

Số: 08/KL-TTT

An Giang, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA
Chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát,
quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng

Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTT ngày 21/02/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh An Giang về việc thanh tra chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2024. Từ ngày 27/02/2025 đến ngày 05/5/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Sở NN&MT) trước đây là Sở Tài nguyên và Môi trường (viết tắt là Sở TN&MT).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 70/BC-ĐTT ngày 10/6/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

An Giang là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 3.536,7 km². Địa hình khá đa dạng, có núi và đồi thấp, có đồng bằng với nhiều sông rạch, là nơi đầu tiên dòng sông Mekong chảy vào địa phận Việt Nam, được tách thành 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu, có đường biên giới giáp với Campuchia dài gần 100 km.

Tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đáng chú ý là đá xây dựng tập trung nhiều ở các núi Cẩm, núi Tô, núi Sập; cát xây dựng khai thác từ sông Hậu và sông Tiền; đất sét rải rác ở nhiều nơi phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng. Hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh hiện nay diễn ra tương đối sôi động, góp phần phục vụ nhu cầu phát triển hạ tầng, xây dựng và kinh tế địa phương.

Trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, Sở TN&MT (hiện nay là Sở NN&MT) giữ vai trò tham mưu chính cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng quy hoạch, cấp phép khai thác, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khai thác tài nguyên khoáng sản; đồng thời chủ trì đánh giá tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ tài nguyên, phục hồi môi trường sau khai thác qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản hành chính để quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về quản lý hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản vật liệu xây dựng (VLXD)

Trong thời kỳ thanh tra, Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung 26 văn bản, bãi bỏ 06 văn bản liên quan về quy định, quản lý, bảo vệ khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản VLXD; chỉ đạo Sở, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác và kiểm soát trữ lượng khai thác của các tổ chức được cấp phép; hướng dẫn trình tự, thủ tục giao mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT) theo cơ chế đặc thù cho các nhà thầu thi công khai thác phục vụ dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam.

(chi tiết đính kèm Phụ lục 01)

2. Việc tham mưu phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản VLXD; khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản VLXD

2.1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản VLXD

Trong thời kỳ thanh tra, tỉnh An Giang không thực hiện phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản VLXD. Việc thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản VLXD được thực hiện theo Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh An Giang giai đoạn 2008-2020, định hướng đến năm 2030.

Đến ngày 15/11/2023, Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg, trong đó tích hợp Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên. Theo quy hoạch, toàn tỉnh có 31 vùng thăm dò, khai thác khoáng sản gồm: 01 vùng than bùn với diện tích 222,2 ha, trữ lượng dự kiến là 3.730.600 m³; 03 vùng đá xây dựng với tổng diện tích 328,1 ha, trữ lượng dự kiến là 122.141.500 m³, 09 vùng sét gạch ngói với tổng diện tích 1.092,3 ha, trữ lượng dự kiến là 68.945.600 m³; 02 vùng cát núi với tổng diện tích 391,7 ha, trữ lượng dự kiến là 7.834.000 m³, 16 vùng cát sông với tổng diện tích 3.155,5 ha, trữ lượng dự kiến là 73.052.500 m³. Quy hoạch tỉnh đã được tổ chức công bố công khai theo Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh.

Việc lồng ghép phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch 2018 và Điều 27 Luật Quy hoạch 2017.

2.2. Việc khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản VLXD

Trên địa bàn tỉnh An Giang có 42 khu vực cấm hoạt động khoáng sản với diện tích 6.918,48 ha (*khu di tích, khu vực quân sự, quốc phòng và rừng đặc dụng*) được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 270/TTg-CN ngày 27/02/2018.

Từ khi ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 đến thời điểm thanh tra (07 năm), Sở TN&MT vẫn chưa tham mưu UBND tỉnh trình phê duyệt điều chỉnh khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định.

Việc khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông: Theo Báo cáo kết quả quan trắc, cảnh báo sạt lở đất bờ sông¹, trên địa bàn tỉnh An Giang có 56 điểm sạt lở và có nguy cơ tiếp tục sạt lở ở mức độ từ nguy hiểm đến đặc biệt nguy hiểm. Tuy nhiên, Sở TN&MT vẫn chưa tham mưu UBND tỉnh tiến hành khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông đối với các khu vực sạt lở và có nguy cơ tiếp tục sạt lở theo quy định.

*** Ý kiến của Sở NN&MT:**

- Hiện nay, Đề cương nhiệm vụ - kinh phí thực hiện khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 và Sở NN&MT đang tổ chức đấu thầu theo quy định để chọn đơn vị thực hiện.

- Ngoài ra, để triển khai công tác cấp phép khai thác cung cấp vật liệu san lấp cho công trình trọng điểm quốc gia là cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang và Hậu Giang - Cà Mau, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 120-NQ/BCSD ngày 04/3/2024 về việc thực hiện xác nhận thu hồi khoáng sản đối với các khu mỏ theo cơ chế đặc thù được Quốc hội, Chính phủ cho phép để cung cấp nguồn cát cho các dự án đường bộ cao tốc khu vực đồng bằng sông Cửu Long nên chưa thể đưa các khu mỏ thuộc vùng có nguy cơ sạt lở vào khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

*** Nhận xét:**

Sở TN&MT chậm thực hiện thủ tục rà soát, tham mưu điều chỉnh khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông là chưa đảm bảo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, theo đó “*Việc rà soát, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khai thác cát, sỏi, khu*

¹ Báo cáo của Sở TN&MT về kết quả quan trắc và cảnh báo sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh An Giang: Báo cáo số 176/BC-STNMT ngày 30/9/2019; Báo cáo số 144/BC-STNMT ngày 30/6/2023 (đợt I năm 2023) và Báo cáo số 23/BC-STNMT ngày 29/01/2024 (đợt II năm 2023).

vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông được thực hiện định kỳ 05 năm một lần... ”.

2.3. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh

Việc triển khai quy hoạch tỉnh: UBND tỉnh đang giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050², bao gồm nội dung triển khai thực hiện phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Việc tham mưu cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản VLXD

Theo Báo cáo số 74/BC-STNMT ngày 27/02/2025 của Sở TN&MT, trên địa bàn tỉnh hiện có 26 dự án khai thác khoáng sản (cát sông và đá xây dựng) được cấp phép và gia hạn khai thác (14 dự án được cấp phép trong giai đoạn 2019-2024 và 12 dự án được cấp phép trước năm 2019). Trong đó, có 19 dự án khai thác cát sông (12 dự án được cấp phép trong giai đoạn 2019 - 2024 và 07 dự án được cấp phép trước năm 2019) với tổng diện tích 788,96 ha, tổng trữ lượng được cấp phép khai thác 28.874.358 m³, tổng công suất khai thác 8.250.000 m³/năm; 07 dự án khai thác đá xây dựng (02 dự án được cấp phép trong giai đoạn 2019 - 2024 và 05 dự án được cấp phép trước năm 2019) với tổng diện tích 191,5 ha, tổng trữ lượng được cấp phép khai thác 46.842.029 m³, tổng công suất khai thác 4.400.000 m³/năm.

Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra và có Kết luận thanh tra số 1522/KL-TTTP ngày 06/7/2023 về việc chấp hành pháp luật trong công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; công tác quản lý, sử dụng đất đai và đầu tư xây dựng cơ bản; công tác cấp giấy phép khai thác cát trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2020, do đó Đoàn thanh tra không tiến hành thanh tra đối với việc cấp, gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác đối với khoáng sản là cát sông.

Đoàn thanh tra kiểm tra hồ sơ tham mưu cấp, gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác đối với khoáng sản là đá xây dựng, gồm: 01 giấy phép thăm dò; 02 giấy phép cấp mới, 06 giấy phép gia hạn và 02 quyết định điều chỉnh giấy phép.

3.1. Việc tham mưu cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Giấy phép số 183/GP-UBND 09/4/2021 của UBND tỉnh về thăm dò khoáng sản đá làm VLXDTT khu mỏ thuộc núi Bà Đội, xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, đơn vị được cấp phép Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang (là đơn vị duy nhất nộp hồ sơ khi Sở TN&MT thông báo lựa chọn đơn vị cấp phép thăm dò); diện

² Công văn số 2190/VPUBND-TH ngày 18 /4/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

tích khu vực thăm dò 20 ha; thời gian thăm dò 08 tháng; độ sâu thăm dò từ mức +40m đến mức +0m.

Kết quả thăm dò được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 26/11/2021: trữ lượng cấp 121 là 1.563.911 m³, trữ lượng cấp 122 là 2.175.298 m³, tài nguyên cấp 221 là 1.160.291 m³ (khối bảo vệ bờ moong kết thúc khai thác); mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt từ mức +40m đến mức +0m.

*** Nhận xét:**

Việc cấp phép thăm dò khoáng sản được Sở TN&MT tham mưu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

3.2. Việc tham mưu cấp giấy phép khai thác khoáng sản

3.2.1. Giấy phép số 542/GP-UBND khai thác đá xây dựng đồi Sóc Triết, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn

- Khu mỏ đồi Sóc Triết thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXDTT được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2015.

- Ngày 18/7/2018, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 3597/VPUBND-KTH truyền đạt ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Khai thác và Chế biến đá An Giang (viết tắt là Công ty Khai thác và Chế biến đá An Giang) tiếp nhận và lập hồ sơ khai thác tại khu mỏ đá xây dựng đồi Sóc Triết từ Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang.

- Ngày 20/02/2020, Công ty Khai thác và Chế biến đá An Giang có Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản: Diện tích khu vực khai thác 9,5ha; trữ lượng khai thác 578.780 m³ (đá nguyên khối); công suất khai thác 150.000 m³/năm; thời hạn khai thác 04 năm; mức sâu khai thác +20m.

- Ngày 01/9/2020, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 542/GP-UBND cho Công ty Khai thác và Chế biến đá An Giang khai thác khoáng sản đá làm VLXDTT bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đồi Sóc Triết, diện tích khai thác 9,5ha; trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 578.780 m³; trữ lượng khai thác là **578.780 m³** (đá nguyên khối); thời hạn khai thác 04 năm; công suất khai thác 150.000 m³/năm (đá nguyên khối); mức sâu khai thác +20m.

- Ngày 01/9/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 2081/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 578.780m³ là **2.109,654** triệu đồng.

- Trước đây, khu mỏ đồi Sóc Triết đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1357/QĐ.UB ngày 21/6/2000 cho Công ty Công trình giao thông An Giang, tuy nhiên đã dừng khai thác từ năm 2007 do doanh nghiệp giải thể và UBND tỉnh đã có Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 01/02/2007 thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản. Khu vực này được Sở TN&MT tham mưu UBND

tỉnh khoanh định là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản³ theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP⁴ “*Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01/7/2011*”.

- Khi Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 15/2012/NĐ-CP) có hiệu lực từ ngày 15/01/2017, khu mỏ đồi Sóc Triết không còn hoạt động khoáng sản và cũng không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản 2010. Do đó, khu vực này không đủ điều kiện để được khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP “*Khu vực hoạt động khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản*”.

- Bên cạnh đó, hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản không có Quyết định chủ trương đầu tư được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và quá trình cấp phép cũng không đảm bảo về thời gian thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (*thời gian từ ngày gửi văn bản lấy ý kiến (ngày 06/5/2020) đến thời gian trình hồ sơ cấp phép (ngày 21/8/2020) là 58 ngày (không bao gồm 20 ngày lấy ý kiến), trễ 13 ngày so với quy định*).

*** Ý kiến của Sở NN&MT:**

Theo cách hiểu của Sở, tại thời điểm tham mưu cấp phép khai thác mỏ đồi Sóc Triết thì tiêu chí quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với các khu mỏ đã được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 01/7/2011 (không áp dụng đối các khu mỏ đã được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản kể từ ngày Luật Khoáng sản 2010 có hiệu lực ngày 01/7/2011). Đối với tiêu chí quy định tại điểm g khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP, Sở hiểu với góc độ quy định được mở rộng thêm cho các khu mỏ đã được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản từ sau ngày Luật Khoáng sản 2010 có hiệu lực.

Theo quy định thì kết quả phê duyệt trữ lượng của khu mỏ là không có thời hạn hết hiệu lực (khu mỏ đồi Sóc Triết được phê duyệt năm 1998, trước Luật Khoáng sản năm 2010). UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 theo tiêu chí khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP và đến thời điểm cấp giấy phép khai thác năm 2020 thì Quyết định số 192/QĐ-UBND vẫn còn hiệu lực. Đồng thời, Nghị định số 158/2016/NĐ-

³ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh An Giang.

⁴ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

CP không quy định phải điều chỉnh khoanh định khu vực không đấu giá theo các tiêu chí tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP việc thực hiện khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g. Vì vậy, trong quá trình tham mưu cấp phép khai thác, Sở TN&MT đã không bổ sung thêm tiêu chí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. Tuy nhiên, nhận thấy khu mỏ đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác cho Công ty Công trình giao thông An Giang từ năm 2000 và Công ty giải thể từ năm 2007; nên vấn đề này, Sở xin tiếp thu ý kiến của Đoàn Thanh tra.

*** Nhận xét:**

Khu mỏ đồi Sóc Triết không còn hoạt động khoáng sản từ năm 2007, do đó không đủ điều kiện để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Vì vậy, việc Sở TN&MT tham mưu cấp Giấy phép số 542/GP-UBND không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng giấy phép không xác định cung cấp nguyên vật liệu cho phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP là chưa đảm bảo quy định. Tại thời điểm thanh tra, giấy phép đã hết hạn, khu mỏ đang trong quá trình đóng cửa mỏ.

3.2.2. Giấy phép số 73/GP-UBND khai thác khoáng sản đá xây dựng núi Bà Đồi, ấp Tân Thuận, xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên

- Ngày 14/4/2022, Công ty CP Xây lắp An Giang có Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản.

- Ngày 21/12/2022, UBND tỉnh có Quyết định số 3099/QĐ-UBND bổ sung tiêu chí khu vực được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, khu vực khoáng sản đá xây dựng thuộc núi Bà Đồi dùng để phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- Ngày 09/02/2023, UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 73/GP-UBND cho Công ty CP Xây lắp An Giang với diện tích khai thác 20ha; trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác là 4.044.216 m³; trữ lượng khai thác là 1.200.000 m³ (đá nguyên khối); thời hạn khai thác 03 năm; công suất khai thác 300.000 m³/năm (đá nguyên khối); mức sâu khai thác +00m; nguồn đá chỉ phục vụ công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

- Ngày 09/02/2023, UBND tỉnh có Quyết định số 120/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 1.200.000 m³ là **4.301,1** triệu đồng.

- Đến ngày 14/7/2023, UBND tỉnh có Quyết định số 1147/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 2.844.216 m³ là **10.194,382** triệu đồng.

*** Nhận xét:**

Sở TN&MT tham mưu UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khai thác 1.200.000 m³ trong khi trữ lượng thiết kế 4.044.216 m³ là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP⁵ “...trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q) là trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác nằm trong diện tích, ranh giới theo chiều sâu của khu vực thiết kế khai thác khoáng sản và được quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản”. Tuy nhiên, Sở TN&MT đã tự rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng đưa vào thiết kế theo quy định.

3.3. Việc tham mưu gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

3.3.1. Giấy phép gia hạn số 221/GP-UBND và Quyết định số 3100/QĐ-UBND điều chỉnh trữ lượng khai thác mỏ đá Đông núi Cô Tô (khu B), xã Cô Tô, huyện Tri Tôn

Dự án khai thác đá xây dựng Đông Núi Cô Tô (khu B) của Công ty TNHH MTV TM Nhà hàng khách sạn Hòa Bình (viết tắt là Công ty Hòa Bình) được UBND tỉnh cấp Giấy phép số 451/GP-UBND ngày 18/7/2018, diện tích khai thác 23ha; thời hạn khai thác đến 07/3/2020; trữ lượng khai thác trong khối trữ lượng cấp 111 đã được phê duyệt⁶; công suất khai thác 100.000 m³/năm; mức sâu khai thác thấp nhất +20m. Trong thời kỳ thanh tra, giấy phép này được gia hạn 01 lần và điều chỉnh 01 lần, cụ thể:

- Gia hạn lần 1 theo Giấy phép số 221/GP-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh: gia hạn thời hạn khai thác đến 07/3/2030 (10 năm); diện tích khai thác 23ha; trữ lượng khoáng sản còn lại được phép đưa vào thiết kế khai thác 1.553.307 m³ (tính đến tháng 01/2020); trữ lượng khai thác 1.000.000 m³ (trong khối trữ lượng cấp 111 đã được phê duyệt); công suất khai thác: 100.000 m³/năm; mức sâu khai thác thấp nhất: +20m. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 1.000.000 m³ là 3.645 triệu đồng⁷.

- Điều chỉnh giấy phép khai thác:

+ Ngày 24/02/2022, Ban thường vụ Tỉnh ủy có Thông báo kết luận số 123a-TB/TU “*Thống nhất chủ trương nâng công suất khai thác mỏ đá Đông núi Cô Tô của Công ty Hòa Bình theo trữ lượng đã được UBND tỉnh cấp tại Giấy phép số 221/GP-UBND ngày 29/4/2020*”.

⁵ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

⁶ Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 05/6/2012 của UBND tỉnh: trữ lượng cấp 111 của đá xây dựng tính trong khối trữ lượng C1 là 2.424.648 m³, giai đoạn từ năm 2012 đến 2018 đã khai thác 274.945 m³, còn lại 2.149.703 m³

⁷ Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh.

+ Ngày 21/12/2022, UBND tỉnh có Quyết định số 3100/QĐ-UBND điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty Hòa Bình: công suất khai thác điều chỉnh 200.000 m³/năm, khai thác trong khối trữ lượng 1.553.307 m³ của Giấy phép số 221/GP-UBND; thời gian khai thác đến 30/11/2028; trữ lượng đá còn lại tại khu mỏ được khai thác chỉ phục vụ cho công trình vốn ngân sách nhà nước. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 553.307 m³ là 2.016,805 triệu đồng⁸.

*** Nhận xét:**

- Sở TN&MT không yêu cầu Công ty Hòa Bình cung cấp các tài liệu chứng minh Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật... nhưng vẫn trình gia hạn giấy phép là chưa đảm bảo về điều kiện được gia hạn giấy phép quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP “*Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản... khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: ... d) Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan ...*”.

- Sở TN&MT tham mưu UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khai thác 1.000.000 m³ trong khi trữ lượng thiết kế 1.553.307 m³ là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, khi thực hiện điều chỉnh nâng công suất, trữ lượng khai thác, Sở TN&MT đã tham mưu tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đưa vào thiết kế còn lại.

- Hồ sơ điều chỉnh công suất thiếu báo cáo thực hiện nghĩa vụ thuế, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường... là chưa đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP “*Thành phần, hình thức văn bản trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm: a) ... Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản; ... báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản ...*”.

3.3.2. Giấy phép gia hạn số 695/GP-UBND, số 889/GP-UBND và Quyết định số 2519/QĐ-UBND điều chỉnh giấy phép khai thác mỏ đá xây dựng Đông núi Cô Tô (khu B), xã Cô Tô, huyện Tri Tôn

Dự án khai thác đá xây dựng Đông núi Cô Tô (khu B) của Công ty TNHH MTV 622 (viết tắt là Công ty 622) được UBND tỉnh cấp Giấy phép số 469/GP-UBND ngày 21/10/2015 có diện tích khu vực khai thác 13 ha; trữ lượng huy động vào khai thác còn lại theo Dự án đầu tư tính từ thời điểm ngày 01/01/2015 là 2.264.825 m³, quy đổi ra trữ lượng địa chất là 2.516.472 m³. Trong đó: trữ lượng khai thác trong 05 năm với công suất 300.000 m³/năm (đá nguyên khối) là

⁸ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh.

1.500.000 m³, quy đổi trữ lượng địa chất tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1.666.667 m³; mức sâu khai thác +20m. Trong thời kỳ thanh tra, giấy phép này được gia hạn 02 lần, điều chỉnh 01 lần, cụ thể:

- Gia hạn lần 1 theo Giấy phép số 695/GP-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh với diện tích khai thác 13ha; trữ lượng khai thác 567.990 m³; thời hạn khai thác đến ngày 31/7/2022; công suất khai thác 300.000 m³/năm; mức sâu khai thác +20m. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 2.070,324 triệu đồng⁹.

- Điều chỉnh nội dung giấy phép theo Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh, điều chỉnh diện tích của giấy phép khai thác khoáng sản từ 13 ha thành 14 ha và tọa độ 02 điểm góc 1A và 1B của Giấy phép số 469/GP-UBND và số 695/GP-UBND. Nguyên nhân điều chỉnh: khắc phục theo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra số 298/QĐ-ĐCKS ngày 06/4/2021 của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Gia hạn lần 2 theo Giấy phép số 889/GP-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh, cho phép Công ty 622 được tiếp tục khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT đến ngày 30/6/2023, nguồn đá khai thác tại khu vực mỏ này chỉ được phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, với trữ lượng khai thác 100.966 m³. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 100.966 m³ là 368,021 triệu đồng¹⁰.

*** Nhận xét:**

- Trong 02 lần gia hạn giấy phép, Sở TN&MT không yêu cầu Công ty 622 cung cấp các tài liệu chứng minh Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật... nhưng vẫn trình gia hạn giấy phép là chưa đảm bảo về điều kiện được gia hạn giấy phép quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

- Giấy phép số 889/GP-UBND ngày 28/12/2022 không đúng Mẫu số 25 kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT¹¹.

3.3.3. Giấy phép gia hạn số 660/GP-UBND, 504/GP-UBND, 748/GP-UBND gia hạn giấy phép khai thác mỏ đá xây dựng núi Bà Đội, ấp Tân Thuận, xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên

Dự án khai thác đá xây dựng núi Bà Đội của Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang hiện nay là Công ty Cổ phần Xây lắp An Giang (viết tắt là Công ty Xây lắp) được UBND tỉnh cấp Giấy phép số 557/GP-UBND ngày 21/10/2016 có diện tích khu vực khai thác 20ha; trữ lượng khai thác 1.276.624 m³; thời gian khai thác

⁹ Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 3151/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh.

¹¹ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

04 năm; công suất khai thác 350.000 m³/năm; mức sâu khai thác + 40m. Trong thời kỳ thanh tra, giấy phép này được gia hạn 03 lần, cụ thể:

- *Gia hạn lần 1 - Giấy phép số 660/GP-UBND ngày 26/10/2020:*

+ Ngày 12/8/2020, Công ty Xây lắp có Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, trữ lượng đề nghị gia hạn là 322.884 m³, gửi kèm Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản số 458/BC.XL ngày 12/8/2020 với trữ lượng dự kiến khai thác đến ngày 31/8/2020 là 1.163.526 m³.

+ Ngày 26/10/2020, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 660/GP-UBND (gia hạn lần 1): diện tích khai thác 20ha; trữ lượng khai thác 322.884 m³; thời hạn khai thác đến ngày 31/7/2021; mức sâu khai thác +40m. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 322.884 m³ là 1.176,912 triệu đồng¹².

- *Gia hạn lần 2 - Giấy phép số 504/GP-UBND ngày 13/8/2021:*

+ Ngày 16/6/2021, Công ty Xây lắp có Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, trữ lượng đề nghị gia hạn là 103.510,3 m³.

+ Ngày 27/7/2021, Công ty Xây lắp có Công văn số 520/CTY.XL về việc báo cáo sản lượng phục vụ việc gia hạn (lần 2), trữ lượng dự kiến khai thác đến ngày 31/7/2021 là 308.023 m³, trữ lượng còn lại là 14.861 m³.

+ Ngày 13/8/2021, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 504/GP-UBND (gia hạn lần 2): diện tích khai thác 20ha; trữ lượng khai thác 14.861 m³; thời hạn khai thác đến ngày 31/10/2021; mức sâu khai thác +40m. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 14.861 m³ là 54,160 triệu đồng¹³.

- *Gia hạn lần 3 - Giấy phép số 748/GP-UBND ngày 01/12/2021:*

+ Ngày 12/11/2021, Công ty Xây lắp có Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, trữ lượng đề nghị gia hạn là 140.000 m³, gửi kèm Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản số 726/BC.XL ngày 12/11/2021 với trữ lượng khai thác đến 31/10/2021 là 41.522,6 m³.

+ Ngày 01/12/2021, UBND tỉnh cấp Giấy phép số 748/GP-UBND (gia hạn lần 3): diện tích khai thác 20ha; trữ lượng khai thác 54.392 m³; thời hạn khai thác đến ngày 31/3/2022; mức sâu khai thác +40m; đá khai thác tại khu mỏ chỉ được cung cấp cho công trình vốn ngân sách nhà nước, công trình khắc phục thiên tai. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 54.392 m³ là 198,259 triệu đồng¹⁴.

*** Nhận xét:**

- Trữ lượng được cấp phép khai thác lần đầu tại Giấy phép số 557/GP-UBND ngày 21/10/2016 là 1.276.624 m³. Đến khi Công ty Xây lắp đề nghị gia

¹² Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh.

¹³ Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh.

¹⁴ Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh.

hạn giấy phép lần 1, tại Báo cáo số 458/BC.XL ngày 12/8/2020 nộp kèm hồ sơ đề nghị gia hạn xác định sản lượng đã khai thác là $1.163.526 \text{ m}^3$, theo đó trữ lượng còn lại đã được cấp phép là **113.098 m^3** ($1.276.624 \text{ m}^3 - 1.163.526 \text{ m}^3$). Tuy nhiên, Sở TN&MT lại tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép số 660/GP-UBND gia hạn trữ lượng khai thác là **322.884 m^3** , vượt 209.786 m^3 ($322.884 \text{ m}^3 - 113.098 \text{ m}^3$) so với trữ lượng còn lại đã được cấp phép là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP “*Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản... là gia hạn thời gian tiếp tục thực hiện quyền khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân trên cơ sở trữ lượng khoáng sản được phép khai thác còn lại tính đến thời điểm gia hạn mà không thay đổi công suất được phép khai thác*”.

- Giấy phép gia hạn lần 1 đã vượt trữ lượng được cấp phép ban đầu, tuy nhiên Sở TN&MT vẫn tiếp tục tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép số 504/GP-UBND (gia hạn lần 2) với trữ lượng 14.861 m^3 , Giấy phép số 748/GP-UBND (gia hạn lần 3) với trữ lượng 54.392 m^3 .

- Khi Công ty Xây lắp nộp đơn đề nghị gia hạn lần 3, thì Giấy phép số 504/GP-UBND (gia hạn lần 2) đã hết hiệu lực 12 ngày là không đủ điều kiện để được gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP “*Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản... khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản... cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày...*”.

- Báo cáo số 726/BC.XL ngày 12/11/2021 nộp kèm hồ sơ đề nghị gia hạn lần 3 thể hiện sản lượng đã khai thác là $41.522,6 \text{ m}^3$, trong khi Giấy phép số 504/GP-UBND (gia hạn lần 2) có trữ lượng khai thác là 14.861 m^3 ; tại thời điểm nộp đơn đề nghị gia hạn lần 3, Công ty Xây lắp đã khai thác vượt trữ lượng theo Giấy phép gia hạn lần 2 là $26.661,6 \text{ m}^3$ ($41.522,6 \text{ m}^3 - 14.861 \text{ m}^3$). Phần trữ lượng khai thác vượt này chưa được tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Tại thời điểm Sở TN&MT tham mưu UBND tỉnh cấp 03 giấy phép gia hạn đều không có hồ sơ chứng minh Công ty Xây lắp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản là không đủ điều kiện để được gia hạn giấy phép theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

*** Ý kiến của Sở NN&MT:**

Sở TN&MT đã trình UBND tỉnh gia hạn lần 1 (Giấy phép số 660/GP-UBND) với trữ lượng 322.800 m^3 thuộc khối trữ lượng cấp 121 được UBND phê duyệt trữ lượng (trong đó có 209.786 m^3 không thuộc trữ lượng của Giấy phép khai thác được cấp lần đầu năm 2016); trình gia hạn lần 2 (Giấy phép số 504/GP-UBND) trên cơ sở trữ lượng còn lại của Giấy phép gia hạn lần 1. Trình gia hạn lần 3 là thực hiện rà soát theo Thông báo số 419/TB-VPUBND ngày 12/11/2021

của Văn phòng UBND tỉnh về ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp xử lý đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản đá làm VLXDĐT tại mỏ núi Bà Đội, theo đó Phó Chủ tịch UBND tỉnh “...*thống nhất thực hiện song song 02 Phương án sau:*

Phương án 1: Giao Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Công ty Xây lắp khẩn trương tiến hành khảo sát thực địa, đánh giá, tính toán, xác định ở mức cote +40m có còn trữ lượng thăm dò. Trường hợp vẫn còn trữ lượng thì thống nhất chủ trương gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, nguồn đá khai thác được phải cung cấp cho công trình vốn ngân sách nhà nước, công trình khắc phục thiên tai (khi đó, giao Sở TN&MT hướng dẫn Công ty Xây lắp thực hiện các thủ tục theo quy định).

Phương án 2: Đề nghị Công ty Xây lắp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hồ sơ, thủ tục, đảm bảo các điều kiện cấp phép khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường đối với khu vực thăm dò có diện tích 20 ha, từ cote +40m đến cote +0m theo Giấy phép thăm dò số 183/GP-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

Trên cơ sở kết quả đo đạc hiện trạng của Công ty (trữ lượng còn lại của mỏ tính đến cote +40 m là 333.205 m³), Sở TN&MT đã trình gia hạn lần 3 với trữ lượng 54.392 m³. Tuy nhiên, Sở NN&MT nhận thấy việc thực hiện như trên là chưa đúng theo quy định khoản 2 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

3.3.4. Quyết định số 3068/QĐ-UBND điều chỉnh giấy phép khai thác đá xây dựng núi Dài, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn

- Ngày 22/5/2019, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 2417/VPUBND-KTN truyền đạt ý kiến của Phó Chủ tịch UBND tỉnh: “*Chấp thuận chủ trương cho Công ty ANTRACO điều chỉnh Giấy phép số 604/GP-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh, tăng công suất khai thác từ 01 triệu m³/năm lên thành 1,5 triệu m³/năm theo đề xuất của Sở TN&MT tại Công văn số 1184/STNMT-KS ngày 10/5/2019...*”.

- Ngày 10/8/2020, Công ty ANTRACO có Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

- Ngày 30/12/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 3068/QĐ-UBND điều chỉnh trữ lượng khai thác, công suất khai thác của Giấy phép số 604/GP-UBND:

+ “Trữ lượng khai thác: 8.927.054 m³” thành “Trữ lượng khai thác: 11.927.054 m³”. Trong đó: 8.927.054 m³ thuộc khối trữ lượng cấp 111 và 122 đã được huy động vào khai thác trong Giấy phép số 604/GP-UBND; 3.000.000 m³ thuộc khối trữ lượng 121 được huy động bổ sung vào Giấy phép.

+ “Công suất khai thác: 1.000.000 m³/năm” thành “Công suất khai thác: 1.500.000m³/năm”.

- Ngày 30/12/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 3069/QĐ-UBND phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trữ lượng 3.000.000 m³ là 10.570,5 triệu đồng.

*** Nhận xét:**

Việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản được Sở TN&MT tham mưu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

3.4. Về cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản VLXD theo cơ chế đặc thù

Trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn tỉnh thực hiện phê duyệt 10 hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản cho 06 doanh nghiệp theo cơ chế đặc thù cung cấp cát cho dự án cao tốc. Trữ lượng cát được cấp phép khai thác 15.631.275 m³, diện tích 462,9 ha với tổng số tiền cấp quyền khai thác tạm tính đã nộp là 79.443,199 triệu đồng, số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường được duyệt 24.984,78 triệu đồng, đã nộp lần 1 là 9.856,039 triệu đồng, còn tiếp tục nộp 15.128,741 triệu đồng.

(chi tiết đính kèm Phụ lục 02)

Đến hết tháng 6/2024, 06 doanh nghiệp đã thực hiện khai thác 1.515.284 m³ cát, đã nộp 7.335,213 triệu đồng phí bảo vệ môi trường và 21.676,087 triệu đồng thuê tài nguyên.

*** Nhận xét:**

- Tại thời điểm thanh tra, các mỏ cát được cấp theo cơ chế đặc thù chưa thực hiện thủ tục thuê đất mặt nước trước khi tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 152 Luật Đất đai 2013 “3. Việc sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản phải tuân theo các quy định sau: a) Có giấy phép hoạt động khoáng sản và quyết định cho thuê đất để thăm dò, khai thác khoáng sản... ”.

- Sở TN&MT phê duyệt ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường 02 lần cho mỏ khoáng sản được cấp phép khai thác có thời hạn dưới 01 năm (01 hồ sơ Công ty CP XD Tân Nam - Mỏ trên sông Hậu đoạn xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú và xã Hòa Lạc huyện Phú Tân) là không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP¹⁵ “Trường hợp tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn nhỏ hơn hoặc bằng 01 năm thì thực hiện ký quỹ một lần... ”.

- Có 05 khu mỏ nộp tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trễ hạn (nộp tiền ký quỹ sau thời điểm tiến hành khai thác tháng 4/2024: Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn - mỏ Cái Dầu và mỏ Tân Hòa nộp ngày 20/6/2024; Công ty CP

¹⁵ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hải Đăng - mở Khánh Hòa nộp ngày 31/5/2024; Công ty CP XD Tân Nam - mở Bình Long và mở Khánh Hòa nộp ngày 19/6/2024).

- Còn có sự khác nhau khi xác định loại tài nguyên để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thuế tài nguyên, cụ thể như sau: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản áp dụng đơn giá 110.000 đồng/m³ tương ứng với loại khoáng sản là “cát đen dùng trong xây dựng”; Tờ khai thuế tài nguyên của các công ty áp dụng đơn giá 75.600 đồng/m³ tương ứng với loại khoáng sản là “cát san lấp”. Từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024:

+ Công ty CP Hải Đăng - mở Khánh Hòa: khai thác 111.245 m³ cát, đã kê khai, nộp thuế tài nguyên với đơn giá 75.600 đồng/m³.

+ Công ty CP Xây dựng Tân Nam - mở Khánh Hòa: khai thác 165.660 m³ cát, đã kê khai, nộp thuế tài nguyên với đơn giá 75.600 đồng/m³.

*** Ý kiến của Sở NN&MT:**

- Về lập thủ tục thuê đất mặt nước: do đây là các khu mỏ cấp phép theo cơ chế đặc thù, với thủ tục hành chính rút gọn, không cần lập dự án đầu tư (*không cấp giấy phép khai thác mà cấp bản xác nhận cho khai thác*) nên khó khăn trong việc xác định đối tượng có phải lập thủ tục thuê đất mặt nước hay không. Tuy nhiên, thực hiện Thông báo số 03/TB-VPUBND ngày 02/01/2025 về kết luận phiên họp Thành viên UBND tỉnh chuyên đề ngày 02/01/2025, Sở TN&MT đã có Công văn số 697/STNMT-ĐĐ ngày 26/02/2025 hướng dẫn các đơn vị được khai thác theo cơ chế đặc thù lập thủ tục thuê đất có mặt nước.

- Việc xác định loại khoáng sản: các công ty tự khảo sát, thăm dò và đã được Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định, trên cơ sở đó UBND tỉnh cấp Bản xác nhận và phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Việc xác định loại khoáng sản để nộp thuế tài nguyên phải thực hiện đồng bộ theo loại khoáng sản đã được xác định.

*** Ý kiến của Chi cục Thuế khu vực XIX:** các công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với loại tài nguyên cát đen dùng trong xây dựng thì khi tính các loại thuế liên quan công ty phải kê khai theo loại tài nguyên được phê duyệt.

4. Về tham mưu tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trong thời kỳ thanh tra, Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức đấu giá 03 khu mỏ, gồm: 01 khu mỏ đá, diện tích 18 ha với trữ lượng 2 triệu m³; 02 khu mỏ cát, tổng diện tích 118,6 ha với trữ lượng 3.821.500 m³, cụ thể:

(1) Khu mỏ núi Cô Tô (khu II) thuộc xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (khu mỏ đã được thăm dò, đánh giá trữ lượng)

- Theo kế hoạch đấu giá và phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt, khu mỏ được đưa ra đấu giá có diện tích 18 ha; mức sâu khai thác dự kiến: +30m; trữ lượng của khu mỏ: 2.000.000 m³; loại khoáng sản: đá làm VLXDTT; giá khởi điểm đấu giá: 7.290 triệu đồng.

- Cuộc đấu giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang (viết tắt là Trung tâm dịch vụ đấu giá) tổ chức vào ngày 06/01/2021, có 04 đơn vị tham gia đấu giá và Công ty TNHH Đá Hóa An 1 là đơn vị trả giá cao nhất với số tiền 90.000 triệu đồng. Kết quả đấu giá được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 19/01/2021.

- Sau khi được công nhận kết quả trúng đấu giá, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng thông tin kết quả thăm dò của mỏ đá¹⁶, thỏa thuận bồi thường 174.450 m² đất thuộc dự án¹⁷ và được UBND tỉnh phê duyệt chuyển đổi cấp trữ lượng khoáng sản¹⁸. Tại thời điểm thanh tra, dự án chưa được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư do chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được duyệt¹⁹ và UBND tỉnh đã cho ý kiến không thống nhất tiếp tục gia hạn thời gian thực hiện thủ tục cấp giấy phép khai thác khoáng sản²⁰ do đã quá thời hạn 12 tháng kể từ ngày trúng đấu giá nhưng doanh nghiệp trúng đấu giá vẫn chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

(2) Khu mỏ cát trên sông Hậu thuộc xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú và xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân (khu mỏ chưa được thăm dò, đánh giá trữ lượng)

- Theo kế hoạch đấu giá và phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt, khu mỏ được đưa ra đấu giá có diện tích 58,3 ha; mức sâu khai thác dự kiến: -14m; trữ lượng ước tính: 1.449.000 m³; giá khởi điểm: R=5% (tương đương 4.401,338 triệu đồng).

- Cuộc đấu giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tổ chức vào ngày 26/3/2021, có 16 đơn vị tham gia đấu giá và Công ty TNHH Phúc Thành Tân Châu là đơn vị trả giá cao nhất với R = 310%, tương đương với giá trúng đấu là 272.882,925 triệu đồng. Kết quả đấu giá được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 26/5/2021.

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp phép thăm dò khoáng sản khu mỏ trúng đấu giá nêu trên tại Quyết định số 516/GP-UBND ngày 17/8/2021 và phê duyệt báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 13/5/2022. Tại thời điểm thanh tra, dự án khai thác khoáng sản vẫn chưa được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư do khu vực dự án “có một số điểm

¹⁶ Hợp đồng chuyển nhượng số 115/2021/HĐCN/DHA-AG ngày 06/12/2021.

¹⁷ Giấy xác nhận số 12/GXN-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện Tri Tôn.

¹⁸ Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh.

¹⁹ Công văn số 3586/SKHĐT-DN ngày 05/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

²⁰ Thông báo số 190/TB-VPUBND ngày 10/3/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

chồng lấn vào luồng và hành lang luồng đường thủy nội địa quốc gia trên sông Hậu... ”²¹, cần phải điều chỉnh lại quy mô dự án.

(3). Khu mỏ cát trên sông Tiền thuộc xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới (khu mỏ chưa được thăm dò, đánh giá trữ lượng)

- Theo kế hoạch đấu giá và phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt, khu mỏ được đưa ra đấu giá có diện tích 60,3 ha; mức sâu khai thác dự kiến: -16m; trữ lượng ước tính: 2.372.500 m³; giá khởi điểm: R=5% (tương đương 7.206,469 triệu đồng).

- Cuộc đấu giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tổ chức vào ngày 26/3/2021, có 19 đơn vị tham gia đấu giá và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T-S.HOME (viết tắt là Công ty T-S.HOME) là đơn vị trả giá cao nhất với (R) = 1.951%, tương đương với giá trúng đấu là 2.811.964,106 triệu đồng.

- Ngày 10/12/2021, Công ty T-S.HOME có Văn bản số 05-21/T.S.Home xin ngưng thực hiện thủ tục khai thác khoáng sản.

- Ngày 18/01/2022, Sở TN&MT, Trung tâm dịch vụ đấu giá và Công ty T-S.HOME tổ chức cuộc họp thống nhất hủy kết đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Số tiền đặt cọc 1.080,970 triệu đồng được nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đến ngày 23/3/2022, UBND tỉnh có Thông báo số 153/TB-UBND về hủy bỏ giao kết Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy kết quả đấu giá tài sản đối với quyền khai thác khoáng sản.

Trong 03 cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã tổ chức, có 01 trường hợp đã hủy kết quả đấu giá do doanh nghiệp đề nghị hủy kết quả đấu giá. Đối với 02 trường hợp còn lại, doanh nghiệp trúng đấu giá đã thực hiện một số bước đề đầu tư dự án, tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, nguyên nhân chủ yếu do khu vực dự án có diện tích rừng tự nhiên, chồng lấn vào luồng đường thủy quốc gia.

*** Ý kiến của Sở NN&MT:**

- Đối với khu mỏ đá đấu giá thuộc núi Cô Tô: khu mỏ đã được cấp phép khai thác từ năm 2000 và đều thuộc quy hoạch khoáng sản qua các thời kỳ, trong quá trình dự thảo phương án đấu giá Sở TN&MT cũng tổ chức lấy ý kiến Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và UBND huyện Tri Tôn. Tuy nhiên, Sở TN&MT sơ xuất trong việc rà soát các quy hoạch có liên quan.

- Đối với khu mỏ cát đấu giá trên sông Hậu: theo quy định pháp luật liên quan đến giao thông thủy nội địa, các đơn vị hoạt động khai thác cát sông phải được chấp thuận phương án an toàn giao thông thủy nội địa. Đặc thù các khu mỏ trên sông Hậu đều thuộc phạm vi luồng đường thủy nội địa và các khu mỏ trước

²¹ Công văn số 1053/CDTND-QLKCHT ngày 23/5/2022 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

đây cũng như các khu mỏ đang phục vụ cho cao tốc hiện nay đều được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án an toàn giao thông thủy nội địa tại khu mỏ đang khai thác. Tuy nhiên, đối với khu mỏ trúng đấu giá của Công ty TNHH Phúc Thành Tân Châu thì chưa được ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý đường thủy đối với phần diện tích thuộc luồng đường thủy nên chưa đủ điều kiện để trình UBND tỉnh phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.

*** Nhận xét:**

Việc tổ chức đấu giá được Sở TN&MT tham mưu thực hiện theo quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP²², tuy nhiên quá trình lựa chọn khu mỏ khoáng sản để đưa vào kế hoạch đấu giá chưa rà soát đầy đủ các yếu tố có liên quan đến điều kiện để dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy phép khai thác khoáng sản dẫn đến 02 khu mỏ trúng đấu giá vẫn chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó 01 khu mỏ không được tiếp tục gia hạn thời gian thực hiện.

5. Việc tham mưu quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản VLXD

Trong thời kỳ thanh tra, có 05 doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản với 07 dự án khai thác đá xây dựng (02 dự án được cấp phép trong giai đoạn 2019-2024 và 05 dự án được cấp phép trước năm 2019). Theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở TN&MT đã tiến hành kiểm tra toàn diện hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó đã xử phạt vi phạm hành chính về khoáng sản, đất đai đối với 01 doanh nghiệp; đối với 04 doanh nghiệp còn lại, bước đầu xác định có một số vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản, đất đai, môi trường. Hiện nay, Sở TN&MT đang thực hiện thẩm định giá để xác định giá trị vi phạm theo chỉ đạo²³ của UBND tỉnh, để làm cơ sở xử lý các hành vi vi phạm. Đoàn không tiến hành thanh tra nội dung này.

(chi tiết đính kèm Phụ lục 03)

Kết quả kiểm tra của Sở TN&MT cho thấy: tất cả các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản VLXD là đá xây dựng đều có vi phạm và có những vi phạm mà theo Sở TN&MT là có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Trong đó, vi phạm về đất đai, khai thác vượt ranh, vượt chiều sâu là những hành vi xảy ra trong thời gian dài, trong khi định kỳ hàng năm các doanh nghiệp đều phải thực hiện đo vẽ hiện trạng khu mỏ và báo cáo kết quả khai thác về Sở. Qua đó, phần nào thấy được công tác quản lý sau cấp phép của Sở TN&MT còn thiếu chặt chẽ, không được thường xuyên, liên tục. Đây là yếu tố cần được xem xét đến khi xử lý vi phạm của các doanh nghiệp.

²² Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

²³ Công văn số 1200/VPUBND-KTĐT ngày 07/3/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về báo cáo kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với các dự án khai thác khoáng sản đá trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thanh tra cho thấy: Sở TN&MT không thực hiện theo dõi, giám sát, kiểm tra việc chấp hành của các doanh nghiệp trong việc sử dụng khoáng sản sau khai thác đối với các giấy phép có quy định khoáng sản sau khai thác chỉ được sử dụng cho công trình vốn ngân sách nhà nước, công trình khắc phục thiên tai (Giấy phép số 73/GP-UBND cấp cho Công ty Xây lắp, Giấy phép số 221/GP-UBND được điều chỉnh tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND cấp cho Công ty Hòa Bình, Giấy phép số 889/GP-UBND cấp cho Công ty 622). Theo đó, UBND tỉnh giao Sở TN&MT chủ trì theo dõi, giám sát, kiểm tra việc sử dụng đá sau khai thác cho công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, công trình khắc phục thiên tai. Tuy nhiên, việc các doanh nghiệp sử dụng đá sau khai thác không đúng mục đích của giấy phép chỉ được phát hiện khi Sở TN&MT thực hiện kiểm tra theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Như vậy, Sở TN&MT đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

6. Việc quản lý thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định về quản lý hoạt động khoáng sản VLXD

Do không tiến hành thanh tra việc quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản vật liệu xây dựng nên Đoàn thanh tra chỉ tổng hợp số liệu trên cơ sở báo cáo của Sở TN&MT và 05 doanh nghiệp khai thác khoáng sản là đá xây dựng.

Tổng số tiền đã nộp ngân sách của 05 doanh nghiệp trong giai đoạn 01/01/2019 - 30/6/2024 là 801.059 triệu đồng, trong đó:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 107.486 triệu đồng;
- Thuế tài nguyên: 530.815 triệu đồng;
- Phí bảo vệ môi trường: 158.230 triệu đồng;
- Tiền thuê đất: 4.528 triệu đồng.

Ngoài ra, 05 doanh nghiệp đã nộp 8.963 triệu đồng tiền ký quỹ phục hồi môi trường vào Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh An Giang.

(chi tiết đính kèm Phụ lục 04)

III. KẾT LUẬN

1. Những mặt làm được

Trong giai đoạn 2019 - 2024, công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Cụ thể, Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản; thực hiện khoanh định các khu vực cấm, khu vực đấu giá và không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cũng như phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác làm cơ sở để cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản.

Sở TN&MT đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh đã cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gồm cát sông và đá xây dựng) với tổng trữ lượng khai thác hàng chục triệu mét khối, góp phần cung cấp nguồn vật liệu cho các công trình trọng điểm của tỉnh và khu vực, trong đó có các dự án đường cao tốc. Bên cạnh đó, Tỉnh đã tăng cường ứng dụng công nghệ trong giám sát hoạt động khai thác thông qua hệ thống camera và thiết bị định vị hành trình, đảm bảo theo dõi sát sao các hoạt động tại các mỏ khoáng sản, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản.

2. Những hạn chế, vi phạm

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng vẫn còn hạn chế, vi phạm:

- Chậm thực hiện thủ tục rà soát, tham mưu điều chỉnh khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông.

- Tham mưu cấp Giấy phép số 542/GP-UBND không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng giấy phép không xác định cung cấp nguyên vật liệu cho phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước, khắc phục thiên tai theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP là chưa đảm bảo quy định. Bên cạnh đó, hồ sơ cấp phép không có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và không đảm bảo về thời hạn trình hồ sơ theo quy định.

- Về tham mưu gia hạn giấy phép:

- + Tham mưu cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty Hòa Bình, Công ty 622 trong khi không có hồ sơ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ môi trường, đất đai, hạ tầng theo quy định; hồ sơ điều chỉnh công suất của Công ty Hòa Bình không có báo cáo thực hiện nghĩa vụ thuế, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định; Giấy phép gia hạn số 889/GP-UBND cho Công ty 622 không đúng mẫu quy định của Bộ TN&MT.

- + Tham mưu gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty Xây lắp không đúng quy định: trữ lượng gia hạn vượt trữ lượng theo giấy phép gốc, gia hạn trong khi hồ sơ không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định. Không xử lý việc công ty khai thác vượt trữ lượng theo giấy phép và tính tiền cấp quyền khai thác đối với phần trữ lượng này.

- Về tham mưu tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Sở TN&MT tham mưu tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khai thác là không đúng quy định. Tuy nhiên, Sở TN&MT đã tự rà soát và trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng đưa vào thiết kế theo quy định.

- Về cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản VLXD theo cơ chế đặc thù: Sở TN&MT chậm tham mưu thực hiện thủ tục thuê đất mặt nước theo quy định;

phê duyệt ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường 02 lần cho mỏ khoáng sản được cấp phép khai thác có thời hạn dưới 01 năm không đúng quy định. Bên cạnh đó, Sở TN&MT và cơ quan thuế chưa kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý khi doanh nghiệp kê khai nộp thuế loại khoáng sản khác với loại khoáng sản được xác định theo báo cáo thăm dò và quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Về tham mưu tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Sở TN&MT chưa rà soát đầy đủ các yếu tố có liên quan (quy hoạch, giao thông thủy...) khi lựa chọn khu mỏ khoáng sản để đưa vào kế hoạch đấu giá, dẫn đến việc doanh nghiệp sau khi trúng đấu giá không được chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy phép khai thác khoáng sản, làm giảm hiệu quả của việc đấu giá.

- Về tham mưu quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản:

- + Công tác quản lý sau cấp phép của Sở TN&MT còn thiếu chặt chẽ, không được thường xuyên, liên tục. Tất cả các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản là đá xây dựng đều có vi phạm phải xử lý.

- + Sở TN&MT không thực hiện theo dõi, giám sát và kiểm tra việc các doanh nghiệp sử dụng đá khai thác cho công trình sử dụng vốn ngân sách, công trình khắc phục thiên tai theo quy định của giấy phép khai thác khoáng sản.

Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế, vi phạm nêu trên là do việc áp dụng quy định của Sở TN&MT chưa chính xác, quá trình tham mưu còn bỏ qua một số điều kiện cấp phép, gia hạn giấy phép theo quy định của Luật Khoáng sản 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành; chưa thật sự quan tâm đến công tác quản lý sau cấp phép.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức rà soát, làm rõ trách nhiệm của các nhân có liên quan đến những hạn chế, vi phạm đã nêu tại Phần II và III. Trong quá trình rà soát nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì tham mưu UBND tỉnh xử lý theo quy định pháp luật. Trên cơ sở rà soát, giao:

- + Sở Nội vụ chủ trì tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

- + Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tự kiểm tra, rà soát lại các giấy phép khai thác khoáng sản là đá làm VLXDĐT đã cấp mới, gia hạn theo quy định của Luật Khoáng sản 2010 chưa được thanh tra. Trường hợp phát hiện vi phạm thì tham mưu UBND tỉnh xử lý đúng theo quy định pháp luật.

- Đề nghị Chi cục Thuế khu vực XIX phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát lại hồ sơ kê khai thuế tài nguyên của Công ty Cổ phần Hải Đăng (mỏ cát tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú) và Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Nam (mỏ cát tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú), xác định lại số thuế tài nguyên phải nộp đúng quy định pháp luật.

2. Kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện rà soát, tham mưu UBND tỉnh khoanh định các khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt làm cơ sở lựa chọn hoặc tổ chức đấu giá theo đúng quy định pháp luật về khoáng sản.

- Chấn chỉnh công tác quản lý; tham mưu UBND tỉnh cấp mới, gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh xử lý vi phạm của các doanh nghiệp khai thác đá đã được kiểm tra theo Quyết định số 60/QĐ-STNMT ngày 26/02/2024 của Sở TN&MT.

- Xem xét, xử lý hành vi khai thác vượt trữ lượng theo giấy phép của Công ty CP Xây lắp An Giang. Rà soát, tham mưu UBND tỉnh tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng đã khai thác vượt là 26.661,6 m³. Việc xem xét, xử lý cần được tiến hành đồng bộ với việc tham mưu xử lý vi phạm của các doanh nghiệp khai thác đá đã được kiểm tra theo Quyết định số 60/QĐ-STNMT, đảm bảo nguyên tắc một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần.

- Triển khai ngay việc theo dõi, giám sát và kiểm tra việc sử dụng khoáng sản theo mục đích theo giấy phép khai thác khoáng sản, kịp thời phát hiện và xử lý việc sử dụng khoáng sản không đúng mục đích theo giấy phép.

- Tăng cường công tác kiểm tra sau cấp phép đối với các giấy phép khai thác khoáng sản, giám sát chặt chẽ trữ lượng, độ sâu và ranh giới khu vực khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

- Tăng cường công tác phối hợp với cơ quan thuế trong việc đối chiếu sản lượng báo cáo định kỳ hoạt động khai thác và báo cáo kê khai thuế của doanh nghiệp, trong đó cần chú ý đến sự phù hợp giữa loại khoáng sản theo giấy phép và loại khoáng sản doanh nghiệp kê khai thuế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kết luận thanh tra được Thanh tra tỉnh công khai theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 79 Luật Thanh tra năm 2022 và Điều 48, khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra ít nhất 15 ngày liên tục tại trụ sở làm việc của đơn vị theo điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

Việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh theo Điều 104 Luật Thanh tra năm 2022.

Trên đây là kết luận thanh tra chuyên đề về công tác quản lý thăm dò, khảo sát, quy hoạch, cấp phép, khai thác, vận chuyển đối với các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2024./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (Cục III);
- UBND tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Thuế khu vực XIX;
- Chánh Thanh tra tỉnh;
- Các Phó Chánh Thanh tra tỉnh;
- Đoàn thanh tra;
- Công TTĐT Thanh tra tỉnh.
- Lưu: VT, HSTT_(TN).

CHÁNH THANH TRA

Võ Thị Siêu